

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐIỆN BIÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết “Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên”; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2022 của Ban Kinh tế – Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân

dân tỉnh Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản phí và mức thu phí.

a) Bổ sung nội dung và mức thu "phí thăm quan Bảo tàng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (đã bao gồm bức tranh Panorama)" tại khoản "Phí thăm quan công trình văn hóa, bảo tàng (đối với các công trình thuộc địa phương quản lý)".

b) Sửa đổi, bổ sung nội dung tại khoản "Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản lệ phí và mức thu lệ phí.

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung tại khoản "Lệ phí đăng ký cư trú".

b) Sửa đổi, bổ sung nội dung tại khoản "Lệ phí hộ tịch".

c) Bổ sung nội dung và mức thu "lệ phí gia hạn giấy phép lao động" tại khoản "Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (đối với cấp phép do cơ quan địa phương thực hiện)".

(Có Phụ lục I, II kèm theo)

Điều 2: Thay thế, bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

1. Thay thế khoản "Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện)" bằng khoản "Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường".

2. Bãi bỏ khoản "Lệ phí cấp chứng minh nhân dân".

3. Bãi bỏ nội dung lệ phí "Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền" tại khoản "Lệ phí hộ tịch".

(Có Phụ lục I, II, III, IV kèm theo)

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành.

1. Thời điểm áp dụng: Từ ngày tháng năm 2022

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp phí, lệ phí không quy định tại Nghị quyết này tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2020/NQ-

HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (BTP);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo, CV VPHĐND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

DỰ THẢO**PHỤ LỤC I****DANH MỤC, MỨC THU CÁC KHOẢN PHÍ**

(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh Điện Biên)

STT	Danh mục	Mức thu
5	Phí thăm quan công trình văn hóa, bảo tàng (đối với công trình thuộc địa phương quản lý)	
-	Phí thăm quan Bảo tàng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (đã bao gồm bức tranh Panorama)	100.000 đồng/người/lượt
-	Phí thăm quan bảo tàng tỉnh và các công trình văn hóa khác	25.000 đồng/người/lượt
-	Các trường hợp: Người Cao tuổi; Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa” ¹ . Trường hợp khó xác định là người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú; Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.	Thu bằng 50% các mức thu quy định trên
-	Các đối tượng là: Cựu chiến binh; học sinh, sinh viên tại các trường, các chiến sỹ trong lực lượng vũ trang được tổ chức đi nghiên cứu thực tế; người dưới 18 tuổi; người khuyết tật đặc biệt nặng.	Miễn thu
10	Phí thăm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	

¹ Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa gồm:

1. Nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
2. Người có công với cách mạng:
 - a) Cán bộ lão thành cách mạng; cán bộ “tiền khởi nghĩa”.
 - b) Thân nhân liệt sĩ.
 - c) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
 - d) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh.
- đ) Các đối tượng được chăm sóc tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương, bệnh binh và người có công.
3. Người thuộc diện chính sách xã hội:
 - a) Người tàn tật, người già cô đơn.
 - b) Các đối tượng được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội.
 - c) Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú.

STT	Danh mục	Mức thu
10.1	<i>Đối với hộ gia đình, cá nhân (áp dụng đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định để giao đất và trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)</i>	
-	Đất xây dựng nhà ở	
	Cấp mới, cấp lần đầu	100.000 đồng/hồ sơ
-	Đất sử dụng vào mục đích khác (trừ đất sử dụng vào mục đích kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp)	
	Cấp mới, cấp lần đầu	150.000 đồng/hồ sơ
10.2	<i>Đối với các tổ chức, cơ quan HCSN, đơn vị LLVT, các tổ chức kinh tế (áp dụng đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định để giao đất, cho thuê đất và trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)</i>	
-	Đất sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở hoặc văn phòng làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội	
+	Cấp mới, cấp lần đầu diện tích nhỏ hơn hoặc bằng 1.000m ²	1.000.000 đồng/hồ sơ
+	Cấp mới, cấp lần đầu diện tích lớn hơn 1.000m ²	Mức thu tính bằng 1.000 đồng/m ² được giao, cho thuê, tối đa không quá 2.000.000 đồng/hồ sơ
-	Đất sử dụng vào mục đích khác (trừ đất sử dụng vào mục đích kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp)	
+	Cấp mới, cấp lần đầu diện tích nhỏ hơn hoặc bằng 1.000m ²	2.000.000 đồng/hồ sơ
+	Cấp mới, cấp lần đầu diện tích lớn hơn 1.000m ²	Mức thu tính bằng 1.000 đồng/m ² được giao, cho thuê, tối đa không quá 5.000.000 đồng/hồ sơ
10.3	<i>Trường hợp cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận; đăng ký biến động đất đai vào Giấy chứng nhận đã cấp</i>	<i>Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định cấp mới, cấp lần đầu</i>
14	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	
-	Phí cấp Giấy phép môi trường	

STT	Danh mục	Mức thu
+	Phí cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở nhóm II thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20.000.000 đồng
+	Phí cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15.000.000 đồng
+	Phí cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện	10.000.000 đồng
-	Phí cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường	Phí cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở thuộc nhóm II và nhóm III bằng 50% phí cấp Giấy phép môi trường
-	Trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở	Miễn thu

PHỤ LỤC II

DANH MỤC, MỨC THU CÁC KHOẢN LỆ PHÍ

(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh Điện Biên)

STT	DANH MỤC	MỨC THU
1	Lệ phí đăng ký cư trú (đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện)	
1.1	Mức thu đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các phường thuộc thành phố Điện Biên Phủ	
	- Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người	20.000 đồng/lần đăng ký
	- Gia hạn tạm trú	10.000 đồng/lần gia hạn
	- Tách hộ	8.000 đồng/lần
	- Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	8.000 đồng/ lần
	- Điều chỉnh thông tin về cư trú (đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú)	Miễn thu
	- Xác nhận thông tin về cư trú;	10.000 đồng/lần
1.2	Mức thu đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các khu vực khác	Thu bằng 50% mức thu tương ứng nêu trên
1.3	Đối với các trường hợp: Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo; Đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã khu vực III theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Miễn thu
3	Lệ phí hộ tịch	
3.1	Đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn	

-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú trong nước	15.000 đồng/trường hợp
-	Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	15.000 đồng/trường hợp
3.2	<i>Đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố</i>	
-	Khai sinh	
+	Đăng ký khai sinh	75.000 đồng/lần
-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú trong nước; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài; xác định lại dân tộc	28.000 đồng/trường hợp
-	Đăng ký hộ tịch khác	75.000 đồng/trường hợp
4	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (đối với cấp phép do cơ quan địa phương thực hiện)	
4.3	Gia hạn giấy phép lao động	400.000 đồng/ 1 giấy phép

PHỤ LỤC III

ĐỐI TƯỢNG NỘP PHÍ VÀ ĐƠN VỊ THU PHÍ

(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh Điện Biên)

STT	Tên phí	Đối tượng nộp phí	Đơn vị thu phí
I	DANH MỤC PHÍ		
14	<i>Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường</i>	Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép môi trường	Cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương hoặc các cơ quan thường trực thẩm định được ủy quyền

PHỤ LỤC IV

TỶ LỆ PHẦN TRĂM TRÍCH ĐỂ LẠI CHO ĐƠN VỊ THU PHÍ

(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh Điện Biên)

STT	Loại phí	Phải nộp NSNN	Đề lại cho đơn vị thu phí	Ghi chú
I	DANH MỤC PHÍ			
14	<i>Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường</i>	40%	60%	